TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST Ngày 26 tháng 9 năm 2025 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Trường Hận**

Ông **Võ Minh Sơn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Tiểu My** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Thạch M, sinh ngày 10/02/1988

Địa chỉ: Số C, ấp G, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Số C, ấp G, phường V, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị N, sinh ngày 01/01/1985

Địa chỉ: Số C, ấp G, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Số C, ấp G, phường V, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Thạch M trình bày:

- Về hôn nhân: Ông M và bà Lâm Thị N tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2013 và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 12/3/2018. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

hay cự cãi, không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân 03 năm nay. Ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống có ba con chung tên Thạch T, sinh ngày 19/12/2013; Thạch T1, sinh ngày 16/10/2015 và Thạch Thị Như Ý, sinh ngày 10/11/2018. Hiện nay các con đang sống cùng với ông M. Khi ly hôn yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lâm Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà N và và ông M tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2013 và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 12/3/2018. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cự cãi, không có hạnh phúc, ông M hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng đã sống ly thân 03 năm nay. Bà N đồng ý ly hôn với ông M.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống có ba con chung tên Thạch T, sinh ngày 19/12/2013; Thạch T1, sinh ngày 16/10/2015 và Thạch Thị Như Ý, sinh ngày 10/11/2018. Hiện nay các con đang sống cùng ông M. Khi ly hôn bà N đồng ý để các con cho ông M trực tiếp nuôi. Do hiện nay bà N đang đi làm thuê, phải ở trọ, không có điều kiện chăm sóc con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị.

- Về nội dung vụ án:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Thạch M và bà Lâm Thị N.

Về con chung: Giao con chung là Thạch T, sinh ngày 19/12/2013; Thạch Tiến, sinh ngày 16/10/2015 và Thạch Thị Như Ý, sinh ngày 10/11/2018 cho ông

Thạch M trực tiếp nuôi, hiện con chung đang sống cùng ông M, cho nên ông M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Bà Lâm Thị N được quyền thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

Bà Lâm Thị N không cấp dưỡng nuôi con do ông Thạch M không yêu cầu.

Về tài sản chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Thạch M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lâm Thị N và yêu cầu được nuôi con chung, nên đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn bà N có nơi cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6- Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Xét thấy ông Thạch M, bà Lâm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông M, bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Thạch M và bà Lâm Thị N tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2013 và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 12/3/2018. Nên hôn nhân giữa ông M và bà N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Ông M và bà N xác định vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cự cãi, không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân 03 năm nay. Ông M yêu cầu ly hôn, bà N đồng ý ly hôn với ông M.

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông M và bà N.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống có ba con chung tên Thạch T, sinh ngày 19/12/2013; Thạch T1, sinh ngày 16/10/2015 và Thạch Thị Như Ý, sinh ngày 10/11/2018. Hiện nay các con đang sống cùng ông M. Ông M yêu cầu được

trực tiếp nuôi con chung, bà N cũng đồng ý để các con cho ông M trực tiếp nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận giao các con chung cho ông M trực tiếp nuôi.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông M không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông M và bà N xác định tài sản chung tự thỏa thuận; không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Do ông M và bà N thuận tình ly hôn nên ông M và bà N mỗi người phải chịu án phí là 75.000 đồng. Ông M tự nguyện chịu án phí thay cho bà N, nên ông M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 150.000 đồng.

[8] Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Thạch M và bà Lâm Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung là Thạch T, sinh ngày 19/12/2013; Thạch Tiến, sinh ngày 16/10/2015 và Thạch Thị Như Ý, sinh ngày 10/11/2018 cho ông Thạch M trực tiếp nuôi, hiện con chung đang sống cùng ông M, cho nên ông M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Bà Lâm Thị N được quyền thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

Bà Lâm Thị N không cấp dưỡng nuôi con do ông Thạch M không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình ông Thạch M phải chịu 150.000 đồng. Ông M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0011187 ngày 28/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí 150.000 đồng, được hoàn lại 150.000 đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Lam

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND phường Vĩnh trạch, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.